TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 339/2018/HSST
Ngày: 14-11-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 290/2018/HSST ngày 18 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2018/ QĐXXST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1961 tại thành phố M; thường trú: Số 226/70, đường số 8, khu phố 3, phường X, quận Đ, Thành phố M; nghề nghiệp: Nhạc công; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); bị cáo có 03 anh em ruột; có vợ tên Nguyễn Ngọc H và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1976 tại tỉnh B; thường trú: Số 371/1C khu phố T, phường H, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951 và bà Lê Thị T, sinh năm 1956; bị cáo có 04 anh em ruột, có chồng tên Cao Thanh T, sinh năm 1967 (đã chết), có 01 con sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Đặng Hoàng S, sinh năm 1975 tại tỉnh G; thường trú: Khóm Châu Long 3, phường C, thành phố Đ, tỉnh G; Tạm trú: C3-1.42 KDC 3/2, khu phố 1A, phường P, thị xã A, tỉnh B; nghề nghiệp: Hát thuê; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Đặng Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1945; bị cáo có 05 anh chị em ruột; có vợ tên Nguyễn Thị B, sinh năm 1977 và 02 con, lớn nhất sinh năm 1995 và nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án: Ngày 11/9/2013 bị Tòa án

nhân dân thị xã A, tỉnh B xử phạt 05 tháng 04 ngày tù về tội Đánh bạc, phạt bổ sung 4.000.000 đồng; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Hoàng T, sinh năm 1965 tại tỉnh T; thường trú: Ấp P, xã V, huyện C, tỉnh T; Chỗ ở: Số 2/23 Lã Xuân Oai, khu phố H, phường L, quận 9, Thành phố M; nghề nghiệp: Nhạc công; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Chế Thị Ú, sinh năm 1940; bị cáo có 05 anh em ruột; có vợ tên Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968 và 01 người con, sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Hùng S, sinh năm 1970 tại tỉnh N; thường trú: K2/6, khu phố 3, phường B, thành phố H, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Lê Văn S (đã chết) và bà Lê Thị S (đã chết); bị cáo có 01 chị ruột; có vợ tên Đặng Thị G, sinh năm 1970 và 01 người con, sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 27/3/2018 Nguyễn Văn Tr, Trần Hoàng T, Đặng Hoàng Sang, Lê Hùng Sơn đến quán cà phê của Nguyễn Thị Thúy Hằng tại địa chỉ 371/1C khu phố Đ, phường H, thị xã D, tỉnh B để rủ H đi hát ca cổ. Trong lúc chờ H thì Tr cùng đồng phạm rủ nhau đánh bài tiến lên ăn tiền, Tr vào trong tủ bán nước trong quán cà phê của H lấy 06 bộ bài tây ra cùng đồng phạm đánh bạc ăn tiền. Mỗi ván ăn thua từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, ai nhất thì bỏ ra 10.000 đồng chơi xong mua nước uống. Đến khoảng 9 giờ 40 phút cùng ngày, H đi chợ về thấy Tr và đồng phạm đánh bạc ăn tiền trong quán cà phê của mình, H nói 01 bộ bài giá 6.000 đồng, các anh chơi xong trả tiền cho H thì Tr và đồng phạm đồng ý rồi H đi xuống bếp nấu ăn. Tr và đồng phạm đánh bài đến 11 giờ 30 phút cùng ngày thì bị đội cảnh sát hình sự Công an thị xã D bắt quả tang, tạm giữ 06 bộ bài tây, tổng số tiền dùng đánh bạc là 6.850.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định:

Nguyễn Văn Tr sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Tr thắng 100.000 đồng, khi công an vào bắt quả tang thu giữ của Tr số tiền trong người 560.000 đồng, còn 40.000 đồng Tr để trong ly trên chiếu bạc.

Đặng Hoàng S sử dụng số tiền 6.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc S thua 70.000 đồng, khi công an vào bắt quả tang thu giữ của S số tiền trong người 5.930000 đồng.

Lê Hùng S sử dụng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc S thắng 50.000 đồng, khi công an vào bắt quả tang thu giữ của S số tiền trong người 230.000 đồng.

Trần Hoàng T sử dụng số tiền 150.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc T thua 80.000 đồng, khi công an vào bắt quả tang thu giữ của T số tiền trong người 70.000 đồng.

Nguyễn Thị Thúy H không tham gia đánh bạc nhưng khi biết Tr và đồng phạm đánh bạc ăn tiền thì H bán cho Tr và đồng phạm 06 bộ bài tây, cho Tr và đồng phạm đánh bạc tại quán cà phê của H.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 6.850.000 đồng.

Vật chứng: 06 bộ bài tây và số tiền 6.850.000 đồng.

Cáo trạng số 221/CT-VKS ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thị Thúy H, Trần Hoàng T, Đặng Hoàng S, Lê Hùng S về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i Khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn Tr; Nguyễn Thị Thúy H; Trần Hoàng T; Lê Hùng S từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đặng Hoàng S từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 06 bộ bài tây; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.850.000 đồng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã tóm tắt nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 27/3/2018, tại địa chỉ số 371/1C khu phố Đ, phường H, thị xã D, tỉnh B, Nguyễn Văn Tr, Trần Hoàng T, Đặng Hoàng S, Lê Hùng S đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức bài tiến lên với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 6.850.000 đồng. Đối với Nguyễn Thị Thúy H không trực tiếp đánh bạc nhưng khi biết các bị cáo còn lại đánh bạc ăn tiền thì H yêu cầu trả tiền 6.000 đồng/01 bộ bài và H để cho các bị cáo đánh bạc tại quán cà phê của H.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định thì: "Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội . Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi đánh bạc dưới hình thức bài tiến lên của các bị cáo với tổng số tiền dùng vào đánh bạc là 6.850.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 221/CT - VKS ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Về ý thức chủ quan, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì tham lam tư lợi các bị cáo đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể, các bị cáo cùng trực tiếp tham gia đánh bạc nên vai trò như nhau.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Tr, H, S, T không có. Riêng bị cáo Đặng Hoàng S vào ngày 11/9/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh B xử phạt 05 tháng 04 ngày tù, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/4/2013 đến ngày 11/9/2013, đã chấp hành xong và phạt bổ sung 4.000.000 đồng (nộp phạt ngày 09/8/2018) về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại phạm tội mới là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Tr, H, S, T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo S, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Tr, H, S, T đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo đều có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Riêng đối với bị cáo Đặng Hoàng S có 01 tiền án, chưa được xóa an tích. Tuy nhiên bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình và có vợ hiện đang bị bệnh hiểm nghèo.

[7] Xét các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian bị cáo được tại ngoại luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ sức giáo dục, răn đe, cải tạo riêng cho bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung cho xã hội. Xét các bị cáo là lao động chính trong gia đình và hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng khấu trừ một phần thu nhập, khi quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D về hình phạt đối với các bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thị Thúy H, Trần Hoàng T, Đặng Hoàng S, Lê Hùng S phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 06 tháng cải tạo không giam giữ. được khấu trừ thời gian tạm giữ 03 (ba) ngày, tương đương 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường X, quận Đ, Thành phố M nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Tr cho Ủy ban nhân dân phường X, quận Đ, Thành phố M giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người đang chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy H 06 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường H, thị xã D, tỉnh B nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thúy H cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã D, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người đang chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng T 06 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ 03 (ba) ngày, tương đương 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường L, quận 9, Thành phố M nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Hoàng T cho Ủy ban nhân dân phường L, quận 9, Thành phố M giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người đang chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hùng S 06 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ 03 (ba) ngày, tương đương 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh N nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Hùng S cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người đang chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ 03 (ba) ngày, tương đương 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường P, thị xã A, tỉnh B nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đặng Hoàng S cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã A, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người đang chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 06 bộ bài tây;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.850.000 đồng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/7/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B và biên lai thu tiền số 00849 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thị Thúy H, Trần Hoàng T, Đặng Hoàng S, Lê Hùng S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thị Thúy H, Trần Hoàng T, Đặng Hoàng S, Lê Hùng S được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Công an thị xã D;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, THAHS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Liên